



BẢO GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ SXKD VÀ ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CỦA NHÀ SXKD NGOÀI TỈNH THÁNG 3 NĂM 2024
(Kèm theo Văn bản số: 491 /CBG-SXD ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Sở Xây dựng Lâm Đồng)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]
I	XI MĂNG										
1		Sản phẩm của Chi nhánh Công ty cổ phần xi măng Thăng Long									
		XM Thăng Long nhãn hiệu Rồng Đỏ	Bao	QCVN 16:2019 BXD	50kg/bao	Chi nhánh Công ty cổ phần xi măng Thăng Long	Việt Nam		Giá bán lẻ tại các địa phương trong tỉnh Lâm Đồng	Bảo giá số 44/CV/2023/CN-BHMN/CN-BHMN ngày 15/12/2023 của Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long (KCN Hiệp Phước, Long Thới, Nhà Bè. Tp HCM. ĐT: (08) 3780 0912). Thời gian đăng ký: Quý I, II/2024 (từ ngày 01/01/2024 đến 30/6/2024)	86.364
2		Cty TNHH MTV Xi măng Hạ Long									
		Xi măng Vicem Hạ Long PCB40 (Dạng bao)	Tấn	QCVN 16:2019/ BXD và TCVN 6260:2020 dành cho PCB50					Giá giao tại nhà máy xi măng Vicem Hạ Long (Lô C25, KCN Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM). Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và các chi phí khác.	Bảo giá số 2493/TB-VCHL-KDTT ngày 25/12/2023 của Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long (11Bis Nguyễn Gia Thiều P.6,Q.3.Tp HCM. Điện thoại: (028) 39301656. Di động: 0938.582.648). Mức kê khai thực hiện từ ngày 01/01/2024 đến khi có thông báo mới.	1.218.182
		Xi măng Vicem Hạ Long PCB50 (Dạng rời)	Tấn								
3		Công ty Cổ phần Phát triển Sài Gòn									
		XM Poóc lãng hỗn hợp PCB40	Bao	QCVN 16:2019 BXD	50kg/bao	Công Ty CP Phát triển Sài Gòn	Việt Nam				78.000



STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		XM Poóc lãng hỗn hợp bền sun phát PCB40-MS	Bao	QCVN 16:2019 BXD	50kg/bao	Công Ty CP Phát triển Sài Gòn	Việt Nam	Đơn giá bao gồm chương trình chiết khấu đạt sản lượng với mức tiêu thụ từ 300 tấn đến 35.000 tấn tùy từng thời điểm và từng khách hàng (có thông báo rõ). Hoặc chương trình khuyến mãi xi măng tùy từng thời điểm để kích thích tiêu thụ được đăng ký tại các cơ quan nhà nước theo luật định	Đơn giá đã bao gồm chi phí bốc xếp lên và xuống phương tiện vận chuyển đến địa điểm giao hàng trong khu vực TP, số lượng tối thiểu để được vận chuyển 10-50 tấn/ chuyến.(Giá bán tại khu vực Lâm Đồng)	Bảng niêm yết giá theo Công văn số 09/CV-SDC ngày 20/02/2024 của Công Ty CP Phát triển Sài Gòn (Trụ sở chính: 213/13 Nguyễn Gia Trí, P.25, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh.ĐỊA chỉ nhà máy sản xuất: số 65 đường 12, khu phố Long Sơn.P.Long Bình, TP Thủ Đức, Tp Hồ Chí Minh, Liên hệ: Trần Tấn Phát:0909011628). Mức đăng ký giá thực hiện từ ngày 02/01/2024 đến khi có thông báo mới.	80.000
		XM Poóc lãng hỗn hợp PCB50	Bao		50kg/bao						90.000
		XM Poóc lãng xi lò cao- PCbfs40 loại II	Bao		50kg/bao						80.000
		XM Poóc lãng bền sun phát PCbsr50 (type V)	Bao		50kg/bao						100.000
		Xi măng Xây Trát-MC 25	Bao		50kg/bao						74.000
II	GẠCH, ĐÁ ÓP LÁT										

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*					
1		Sản phẩm của Công Ty TNHH MTV Thương Mại và XNK PRIME														
		GẠCH LÁT NỀN CÁC LOẠI														
		Gạch Ceramic, nhóm BIIb														
		Gạch ceramic không mài cạnh	m ²	QCVN 16:2019/BXD;TCVN 7745:2007	KT: 25x25cm	Công Ty TNHH MTV Thương Mại và XNK PRIME	Việt Nam		Gia theo khu vực tỉnh Lâm Đồng	Công Ty TNHH MTV Thương Mại và XNK PRIME. Địa chỉ: Khu Công nghiệp Bình Xuyên, huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc. Điện thoại liên hệ: VP đại diện miền Nam: Phạm Thu Hiền-0983 199 083. Văn bản số 129/2024/VPĐD ngày 02/01/2024 v/v đề nghị công bố giá sản phẩm, hàng hóa gạch ốp lát định kỳ tại Sở Xây dựng kèm theo Bảng Niêm yết giá áp dụng từ ngày 02/01/2024 đến 31/12/2024 của Cty.Đại lý phân phối: Công ty TNHH Tâm Thanh Sơn.Địa chỉ: số 9A đường Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.Điện thoại: 0908 950589	99,510					
		Gạch ceramic mài cạnh, hiệu ứng bề mặt	m ²		KT: 30x30cm						252,520					
		Gạch ceramic không mài cạnh	m ²		KT: 30x30cm						101,650					
		Gạch Porcelain, nhóm BIIb														
		Gạch porcelain giả gỗ, không mài cạnh	m ²	QCVN 16:2019/BXD;TCVN 7745:2007	KT: 15x60cm						202,230					
		Gạch porcelain không mài cạnh	m ²		KT: 10x30cm						263,220					
		Gạch bán sứ mài cạnh	m ²		KT: 50x50cm						160,500					
		Gạch Porcelain, nhóm BIIa														
		Gạch porcelain men bóng,mài cạnh	m ²	QCVN 16:2019/BXD;TCVN 7745:2007	KT: 60x60cm						242,890					
		Gạch porcelain cao cấp men mờ,mài cạnh	m ²		KT: 60x60cm						273,920					
		Gạch porcelain bóng/ mờ,mài cạnh	m ²		KT: 60x90cm	374,500										
		Gạch porcelain bóng/ mờ,mài cạnh	m ²	QCVN 16:2019/BXD;TCVN 7745:2007	KT: 30x90cm	374,500										
		Gạch porcelain men mờ,mài cạnh	m ²		KT: 30x60cm	304,950										
		Gạch porcelain giả gỗ, mài cạnh	m ²		KT: 15x90cm	385,200										
		Gạch porcelain giả gỗ, mài cạnh	m ²	QCVN 16:2019/BXD;TCVN 7745:2007	KT: 15x80cm	315,650										
		Gạch porcelain giả gỗ, mài cạnh	m ²		KT: 15x60cm	294,250										
		Gạch porcelain bóng/ mờ,mài cạnh	m ²		KT: 60x120cm	620,600										
		Gạch porcelain bóng/ mờ,mài cạnh	m ²		KT: 80x120cm	952,300										

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Gạch porcelain bóng/ mờ,mài cạnh	m ²		KT: 80x80cm						349,890
		Gạch Ceramic xương trắng, nhóm BIII									
		Gạch ceramic xương trắng, mài cạnh	m ²	QCVN 16:2019/BXD;TCVN 7745:2007	KT: 30x45cm						133,750
		Gạch ceramic xương trắng, mài cạnh	m ²		KT: 40x80cm						273,920
		Gạch ceramic mài cạnh	m ²	QCVN 16:2019/BXD;TCVN 7745:2007	KT: 30x30cm						199,020
		Gạch ceramic không mài cạnh	m ²		KT: 25x40cm						99,510
		Gạch ceramic xương trắng, mài cạnh	m ²		KT: 30x60cm						194,740
		Gạch Ceramic không mài cạnh, nhóm BIIb									
		Gạch ceramic không mài cạnh	m ²	QCVN 16:2019/BXD;TCVN 7745:2007	KT: 40x40cm						98,440
		Gạch ceramic men bóng, không mài cạnh	m ²		KT: 20x40cm						156,220
		Gạch ceramic men bóng, khuôn dị hình, không mài cạnh	m ²		KT: 20x40cm						211,860
		Gạch Ceramic mài cạnh, nhóm BIIa									
		Gạch ceramic mài cạnh kỹ thuật số	m ²	QCVN 16:2019/BXD;TCVN 7745:2007	KT: 50x50cm						123,050
		Gạch ceramic mài cạnh	m ²		KT: 50x50cm						112,350
		Gạch ceramic xương đỏ, mài cạnh	m ²		KT: 60x60cm						141,240
		Gạch ceramic in KTS, mài cạnh	m ²		KT: 40x40cm						109,140
		Gạch Ceramic không mài cạnh, nhóm BIIa									
		Gạch ceramic sân vườn, không mài cạnh	m ²	QCVN 16:2019/BXD;TCVN 7745:2007	KT: 40x40cm						114,490
		Gạch ceramic không mài cạnh	m ²		KT: 50x50cm						104,860
		Gạch Ceramic xương đỏ mài cạnh, nhóm BIII									
		Gạch ceramic xương đỏ, mài cạnh	m ²		KT: 30x45cm						124,120
		Gạch ceramic xương đỏ, mài cạnh	m ²		KT: 30x60cm						145,520

Công Ty TNHH MTV Thương Mại và XNK PRIME

Việt Nam

Giá theo khu vực tỉnh Lâm Đồng

Công Ty TNHH MTV Thương Mại và XNK PRIME. Địa chỉ: Khu Công nghiệp Bình Xuyên, huyện Bình Xuyên. Tỉnh Vĩnh Phúc. Điện thoại liên hệ: VP đại diện miền Nam: Phạm Thu Hiền-0983 199 083. Văn bản số 129/2024/VPĐD ngày 02/01/2024 v/v đề nghị công bố giá sản phẩm, hàng hóa gạch ốp lát định kỳ tại Sở Xây dựng kèm theo Bảng Niêm yết giá áp dụng từ ngày 02/01/2024 đến 31/12/2024 của Cty. Đại lý phân phối: Công ty TNHH Tâm Thanh Sơn. Địa chỉ: số 9A đường Đoàn Thị Điểm, Phường 4. Thành phố Đà Lạt. Tỉnh Lâm Đồng. Điện thoại: 0908 950589

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*	
III	NHÓM SƠN, BỘT TRÉT TƯỜNG											
1		Sản phẩm của Công ty TNHH KOVA NANOPRO								Công ty TNHH KOVA NANOPRO. Địa chỉ: Khu B2-5, đường D2, Khu công		
		Sơn nội thất				Công ty TNHH Kova Nanopro	Việt Nam			Giá áp dụng cho tất cả huyện, thành phố trực thuộc tỉnh Lâm Đồng, đã bao gồm chi phí vận chuyển.		
		Sơn lót nội thất kháng kiềm KOVA K-108	Thùng	TCVN 8652:2020	(25kg)							1,285,364
		Sơn nội thất cao cấp KOVA VILLA	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2019/BXD	(25kg)							1,411,000
		Sơn nội thất KOVA Lovely	Thùng	TCVN 8652:2020	(18 lít)							1,161,000
		Sơn nội thất cao cấp KOVA SG-168	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2019/BXD	(25kg)							1,695,273
		Sơn ngoại thất										
		Sơn lót ngoại thất kháng kiềm cao cấp KOVA K-208	Thùng	TCVN 8652:2020	(18 lít)							2,662,818
		Sơn lót ngoại thất kháng kiềm cao cấp KOVA KV-118	Thùng	TCVN 8652:2020	(25kg)							2,035,273
		Sơn ngoại thất chống thấm cao cấp KOVA CT-04	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2019/BXD	(20kg)							4,117,000
		Sơn ngoại thất chống thấm cao cấp KOVA VILLA	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2019/BXD	(20kg)						Công ty TNHH Kova Nanopro	Việt Nam
		Bột trét										
		+ Nội thất										
		Bột trét nội thất cao cấp KOVA MSG	Bao	TCVN 7239:2014	(40kg)		330,091					
		Bột trét nội thất cao cấp KOVA VILLA	Bao	TCVN 7239:2014	(40kg)		308,000					
		+ Ngoại thất										

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
3		Sản phẩm của Công ty TNHH Sơn Kingson Việt Nam									
		King Putty Bột trét cao cấp nội- ngoại thất	Bao	QCVN 16:2019/BXD	40kg/bao	Công ty TNHH Sơn Kingson Việt Nam	Việt Nam	Giá trên áp dụng cho tất cả huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh Lâm Đồng, đã bao gồm chi phí vận chuyển và chưa thuế VAT 8%		Công ty TNHH Sơn Kingson Việt Nam. Địa chỉ 38A, đường 7A, KP5, P. Bình Hưng Hòa A, Q. Bình Tân, TP.HCM. Nhà sản xuất sản phẩm vật liệu đề nghị công bố giá: Sản xuất tại nhà máy: 39, Ấp 1, Xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Điện thoại: 0387.113.678. Kèm theo Công văn số 001/6/CBGKS ngày 20/9/2023 của Công ty về việc đề nghị công bố giá sản phẩm, hàng hóa định kỳ tại Sở Xây dựng. Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 20/9/2023 đến khi có thông báo mới.	455,000
		KingPrimer	Thùng		18 Lít						3,152,000
		KingPrimer	Lon		5 Lít						911,000
		KingPlast base A	Thùng		18 Lít						3,928,000
		KingPlast base A	Lon		5 Lít						1,069,000
		KingPlast base B	Thùng		18 Lít						3,731,000
		KingPlast base B	Lon		5 Lít						1,017,000
		KingSon FAMI Int base A	Thùng		18 Lít						1,030,000
		KingSon FAMI Int base A	Lon		5 Lít						335,000
		KingSon CLEAN base A	Thùng		18 Lít						2,120,000
		KingSon CLEAN base A	Lon		5 Lít						634,000
		KingSon CLEAN base A	Lon		1 Lít						157,000
		KingSon CLEAN base B	Thùng		18 Lít						1,982,000
		KingSon CLEAN base B	Lon		5 Lít						594,000
		KingSon CLEAN base B	Lon		1 Lít						137,000
		KingSon SILK base A	Thùng		18 Lít						3,827,000
		KingSon SILK base A	Lon		5 Lít						1,168,000
		KingSon SILK base B	Thùng		18 Lít						3,650,000
		KingSon SILK base B	Lon		5 Lít						1,109,000
		KingSon SILK base C	Thùng		18 Lít						3,569,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		KingSon SILK base C	Lon	QCVN 16:2019/BXD	5 Lít	Công ty TNHH Sơn Kingson Việt Nam	Việt Nam				1,069,000
		KingSon INFINITY Int base A	Lon	QCVN 16:2019/BXD	5 Lít						1,309,000
		KingSon INFINITY Int base A	Lon	QCVN 16:2019/BXD	1 Lít						295,000
		KingSon INFINITY Int base B	Lon	QCVN 16:2019/BXD	5 Lít						1,247,000
		KingSon INFINITY Int base B	Lon	QCVN 16:2019/BXD	1 Lít						275,000
		KingSon INFINITY Int base C	Lon	QCVN 16:2019/BXD	5 Lít						1,229,000
		KingSon INFINITY Int base C	Lon	QCVN 16:2019/BXD	1 Lít						256,000
		KingSon FAMI Ext base A	Thùng	QCVN 16:2019/BXD	18 Lít						2,318,000
		KingSon FAMI Ext base A	Lon	QCVN 16:2019/BXD	5 Lít						691,000
		KingSon FAMI Ext base A	Lon	QCVN 16:2019/BXD	1 Lít						176,000
		KingSon FAMI Ext base B	Thùng	QCVN 16:2019/BXD	18 Lít						2,200,000
		KingSon FAMI Ext base B	Lon	QCVN 16:2019/BXD	5 Lít						652,000
		KingSon FAMI Ext base B	Lon	QCVN 16:2019/BXD	1 Lít						157,000
		KingSon FINEST base A	Thùng	QCVN 16:2019/BXD	18 Lít						4,484,000
4		Sản phẩm của Công ty CP Sơn Đồng Nai									
		Bột trét trong nhà DONASA Lucky	Kg	TCVN7239:2014		Công ty CP Sơn Đồng Nai	Việt Nam			Công ty CP Sơn Đồng Nai. Địa chỉ: đường số 7, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Điện thoại: 0251.3931.355. Công văn số 75/2023/CV-SDN ngày 20/10/2023. Mức giá trên áp dụng đối với các mẫu cơ bản, đối với một số mẫu đặc biệt vui lòng liên hệ bộ phận kinh doanh để được hỗ trợ	5,500
		Bột trét ngoài nhà DONASA Lucky	Kg	TCVN7239:2014							6,500
		Bột trét trong nhà DONASA	Kg	TCVN7239:2014							6,000
		Bột trét ngoài nhà DONASA	Kg	TCVN7239:2014							7,500
		Sơn lót chống kiềm trong - ngoài nhà DONASA Anti Alkali	Lít	QCVN 08:2020/BCT							64,000
		Sơn nước trong nhà DONASA SuperCoat	Lít	QCVN 16:2019/BXD QCVN 08:2020/BCT							63,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*	
		Sơn nước ngoài nhà DONASA FlintCoat	Lít	QCVN 16:2019/BXD QCVN 08:2020/BCT		Công ty CP Sơn Đồng Nai	Việt Nam				89,000	
		Sơn nước cao cấp DONASA Hitech Plus	Lít	QCVN 16:2019/BXD QCVN 08:2020/BCT								175,000
		Sơn lót chống rỉ DONASA (màu đỏ, màu xám)	Kg	QCVN 08:2020/BCT								67,000
		Sơn dầu phủ DONASA	Kg	QCVN 08:2020/BCT								97,000
		Sơn kẽm DONASA 2 trong 1	Lít	QCVN 08:2020/BCT								124,000
IV	NHỰA ĐƯỜNG											
1		Sản phẩm của CTY TNHH Nhựa đường Petrolimex										
		Nhựa đường 60/70 - xá	đ/kg	TCVN 7493:2005		CTY TNHH Nhựa đường Petrolimex	Nhập khẩu		Giao tại Tp Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	CTY TNHH Nhựa đường Petrolimex (Tầng 5, số 01 Đinh Bộ Lĩnh, P.Lê Lợi.Tp Quy Nhơn.Tỉnh Bình Định. ĐT: 02856 3893206. Báo giá Nhựa đường Petrolimex ngày 15/01/2024 kèm công văn số 009/2024/BG-NĐ.BĐ.KD.Gia bán có hiệu lực từ ngày 01/01/2024 đến khi có thông báo giá mới.	14,800	
		Nhựa đường 60/70 - Phuy	đ/kg	TCVN 7493:2005			Nhập khẩu - đóng phuy tại Việt Nam				16,800	
		Nhựa đường nhũ tương Petrolimex CRS1-Xá	đ/kg	TCVN 8817:2011			Nhà máy nhựa đường Petrolimex				13,500	
		Nhựa đường nhũ tương Petrolimex CSS1-Xá	đ/kg	TCVN 8817:2011							14,500	
		Nhũ tương gốc Axit 60% - Xá	đ/kg	TCVN 8817:2011							14,000	
		Nhựa đường lông Petrolimex MC70-Xá	đ/kg	TCVN 8817:2011								
2		Sản phẩm của Công ty Cổ phần Carbon Việt Nam-CN Đồng Nai										
		CarboncorAsphalt- CA 9.5,CA6.7 (dùng trong xây dựng nâng cấp và cải tạo kết cấu áo đường)	Tấn	TCCS09:2014/TCĐB VN		Công ty Cổ phần Carbon Việt Nam-CN Đồng Nai	Việt Nam				3,805,000	

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Carboncor Asphalt- CA 12.5 (dùng trong xây dựng nâng cấp và cải tạo kết cấu áo đường)	Tấn	TCCS10:2019/CARB ONVN		Công ty Cổ phần Carbon Việt Nam- CN Đồng Nai	Việt Nam		Gia chưa có thuế, đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy Đồng Nai đến trung tâm TP Đà Lạt. Ngoài địa điểm trên, mỗi km phụ trội sẽ tính thêm 3.000 đồng/tấn	Công ty Cổ phần Carbon Việt Nam- CN Đồng Nai. Văn Phòng giao dịch: Tòa nhà Carboncor, 127 Hoàng Ngân, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. Điện Thoại: 024.37958528/09.366.1735. Nhà máy 2: Số 2, đường số 1 KCN Thanh Phú, xã Thanh Phú, huyện Vĩnh Cửu. Tỉnh Đồng Nai. Mức giá áp dụng từ Tháng 1 năm 2024. Hàng tháng, nếu có thay đổi Công ty sẽ gửi tờ trình đề xin đề nghị được điều chỉnh.	3,805,000
		Carboncor Asphalt- CA 19 (Bê tông nhựa rỗng) (dùng trong xây dựng nâng cấp và cải tạo kết cấu áo đường)	Tấn	TCCS09:2019/CARB ONVN							3,065,000
		Nhũ tương kiểm thấm bảm	kg	TCVN 13506:2022							23,100
		Nhũ tương kiểm dính bảm	kg	TCVN 13506:2022							19,250
V	ĐÈN, ĐÈN TRANG TRÍ, ĐÈN CHIẾU SÁNG, THIẾT BỊ ĐIỆN										
1		Sản phẩm của CÔNG TY TNHH SX- TM & DV Đại Quang Phát									
		ĐÈN LED									
		Đèn đường Led Nikkon S439 30W (3000K, 4000K, 5000K)	bộ	EN 61547TCVN 7722-2-3:2007 (IEC 60598-2-3:2002),TCVN 10885-2-1:2015 (IEC 62722-2-1:2014), TCVN 10485:2015 (IEC 62717:2014)		CÔNG TY TNHH SX- TM & DV Đại Quang Phát	Malaysia		Giá bán trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	CÔNG TY TNHH SX- TM & DV Đại Quang Phát. Địa chỉ: số 17 đường số 11- Khu phố 4- P.Linh Xuân-TP. Thủ Đức .Điện thoại: 0274 3739 588. Bảng báo giá sản phẩm đèn chiếu sáng LED, đèn trang trí kèm theo Công văn số 16/ĐQP/CV/2023 ngày 27/12/2023. Bảng báo giá có giá trị đến khi có thông báo giá mới	4,425,000
		Đèn đường Led Nikkon S439 30W (3000K, 4000K, 5000K)	bộ								5,250,000
		Đèn đường Led Nikkon S439 60W (3000K, 4000K, 5000K) (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								6,375,000
		Đèn đường Led Nikkon S433 80W (3000K, 4000K, 5000K) (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								8,400,000



STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn đường Led Nikkon S433 85W (3000K, 4000K, 5000K) (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ	EN 61547TCVN 7722-2-3:2007 (IEC 60598-2-3:2002),TCVN 10885-2-1:2015 (IEC 62722-2-1:2014), TCVN 10485:2015 (IEC 62717:2014)		CÔNG TY TNHH SX- TM & DV Đại Quang Phát	Malaysia		Giá bán trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	CÔNG TY TNHH SX- TM & DV Đại Quang Phát.Địa chỉ: số 17 đường số 11- Khu phố 4- P.Linh Xuân-TP. Thủ Đức. Điện thoại: 0274 3739 588. Bảng báo giá sản phẩm đèn chiếu sáng LED, đèn trang trí kèm theo Công văn số 16/ĐQP/CV/2023 ngày 27/12/2023. Bảng báo giá có giá trị đến khi có thông báo giá mới	9,150,000
		Đèn đường Led Nikkon S433 90W (3000K, 4000K, 5000K) (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ		9,450,000						
		Đèn đường Led Nikkon S433 100W (3000K, 4000K, 5000K)(dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ		9,760,000						
		Đèn đường Led Nikkon S433 115W (3000K, 4000K, 5000K)(dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ		10,650,000						
		Đèn đường Led Nikkon S433 120W (3000K, 4000K, 5000K)(dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ		11,250,000						
		Đèn đường Led Nikkon S433 145W (3000K, 4000K, 5000K)(dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ		12,225,000						
		Đèn đường Led Nikkon MURA 40W-5000K/4000K/3000K (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ		5,520,000						
		Đèn đường Led Nikkon MURA 60W-5000K/4000K/3000K (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ		6,560,000						
		Đèn đường Led Nikkon MURA 80W-5000K/4000K/3000K (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ		7,600,000						
		Đèn đường Led Nikkon MURA 100W-5000K/4000K/3000K (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ	8,800,000							

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn đường Led Nikkon MURA 120W-5000K/4000K/3000K (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ	EN 61547TCVN 7722-2-3:2007 (IEC 60598-2-3:2002),TCVN 10885-2-1:2015 (IEC 62722-2-1:2014), TCVN 10485:2015 (IEC 62717:2014)		CÔNG TY TNHH SX- TM & DV Đại Quang Phát	Malaysia		Giá bán trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	CÔNG TY TNHH SX- TM & DV Đại Quang Phát.Địa chỉ: số 17 đường số 11- Khu phố 4- P.Linh Xuân-TP. Thủ Đức .Điện thoại: 0274 3739 588. Bảng báo giá sản phẩm đèn chiếu sáng LED, đèn trang trí kèm theo Công văn số 16/ĐQP/CV/2023 ngày 27/12/2023. Bảng báo giá có giá trị đến khi có thông báo giá mới	10,400,000
		Đèn đường Led Nikkon MURA 150W-5000K/4000K/3000K (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ		12,000,000						
		Đèn đường Led Nikkon MURA 185W-5000K/4000K/3000K (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ		14,320,000						
		SOLAR LED STREET LIGHT RA 365- 30W Malaysia	1 bộ		13,600,000						
		SOLAR LED STREET LIGHT RA 365- 40W Malaysia	1 bộ		14,450,000						
		SOLAR LED STREET LIGHT RA 365- 50W Malaysia	1 bộ		15,750,000						
		SOLAR LED STREET LIGHT RA 365-60W Malaysia	1 bộ		20,250,000						
		SOLAR LED STREET LIGHT RA 365- 80W Malaysia	1 bộ		24,750,000						
		Đèn pha Led Nikkon CERVELLI- S3-100W-5000K/4000K/3000K Malaysia	1 bộ		11,925,000						
		Đèn pha Led Nikkon CERVELLI- S3-150W-5000K/4000K/3000K Malaysia	1 bộ		13,425,000						
		Đèn pha Led Nikkon CERVELLI- S3-200W-5000K/4000K/3000K Malaysia	1 bộ	14,925,000							
		Đèn pha Led Nikkon CERVELLI- S5-250W-5000K/4000K/3000K Malaysia	1 bộ	20,250,000							

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*						
		Đèn pha Led Nikkon CERVELLI- S5-300W-5000K/4000K/3000K Malaysia	1 bộ								21,750,000						
		Đèn pha Led Nikkon CERVELLI- S5-350W-5000K/4000K/3000K Malaysia	1 bộ								23,250,000						
		ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG															
		Đèn THGT Xanh Đỏ Vàng D200 - Taiwan	1 bộ	SẢN XUẤT THEO TIÊU CHUẨN: *Chip LED - LM80 * Bộ nguồn Driver : CE ,EN 55015, EN61000, EN61547 * Bộ Đèn : LM 79, EN60598-1, EN60598-2-3, EN62471, EN 62493, EN 61000-1, EN 61547		CÔNG TY TNHH SX- TM & DV Đại Quang Phát	Malaysia		Giá bán trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	CÔNG TY TNHH SX- TM & DV Đại Quang Phát.Địa chỉ: số 17 đường số 11- Khu phố 4- P.Linh Xuân-TP. Thủ Đức .Điện thoại: 0274 3739 588. Bảng báo giá sản phẩm đèn chiếu sáng LED, đèn trang trí kèm theo Công văn số 16/ĐQP/CV/2023 ngày 27/12/2023. Bảng báo giá có giá trị đến khi có thông báo giá mới	11,670,000						
		Đèn THGT Xanh Đỏ Vàng D300 - Taiwan	1 bộ		14,100,000												
		Đèn THGT chữ thập Đỏ D200 - Taiwan	1 bộ		3,900,000												
		Đèn THGT chữ thập Đỏ D300 - Taiwan	1 bộ		4,200,000												
		Đèn THGT nhắc lại D100 - Taiwan	1 bộ		6,600,000												
		Đèn THGT đi bộ Xanh Đỏ D200 - Taiwan	1 bộ		8,550,000												
		Đèn THGT đèn lùi Xanh Đỏ Vàng D300 - Taiwan	1 bộ		13,350,000												
		Đèn THGT đèn lùi vuông 825x520 - Taiwan	1 bộ		23,700,000												
		Tủ điều khiển THGT 2 pha	1 bộ		33,800,000												
		Dù che tủ điều khiển	1 bộ		9,700,000												
		Trụ đỡ tủ điều khiển + cần dù	1 bộ		3,750,000												
2		Sản phẩm của Công ty TNHH Chiếu sáng và Môi trường Việt Nam															

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn LE-TITAN ECO 60W, 72 leds,7200lm,IP66,IK09.Tiết giảm công suất 5 cấp. Chống xung điện 10kA.Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng Châu Âu ENEC.Có công 1-10V/DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone.	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-1:2017	Kích thước (mm) 568x240x100	Công ty TNHH Chiếu sáng và Môi trường Việt Nam	Việt Nam			CÔNG TY TNHH Chiếu sáng và Môi trường Việt Nam.Địa chỉ: 233/8 Đặng Thùy Trâm, Phường 13.Q. Bình Thạnh.TP.HCM.Điện thoại: 0823 39 2345. Bảng báo giá sản phẩm đèn LED Thời gian áp dụng: ngày 01/01/2024 đến khi có thông báo mới.	10,065,000
		Đèn LE-TITAN ECO 80W, 16led>=10800lm,IP66,IK09.Tiết giảm công suất 5 cấp. Chống xung điện 10kA.Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng Châu Âu ENEC.Có công 1-10V/DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone.	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-1:2017	Kích thước (mm) 568x240x100						11,000,000
		Đèn LE-TITAN MIDI 100W, 32leds>=13500lm,IP66,IK09.Tiết giảm công suất 5 cấp. Chống xung điện 10kA.Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng Châu Âu ENEC.Có công 1-10V/DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone.	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-2017	Kích thước (mm) 702x314x130						12,500,000
		Đèn LE-TITAN MIDI 120W, 48 leds>=17400lm,IP66,IK09.Tiết giảm công suất 5 cấp. Chống xung điện 10kA.Điều chỉnh được góc nghiêng.Có công 1-10V/DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone.	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-1:2017	Kích thước (mm) 702x314x130						13,500,000
		Đèn LE-TITAN PRO 150W, 64 leds>=21000lm,IP66,IK09.Tiết giảm công suất 5 cấp. Chống xung điện 10kA.Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng Châu Âu ENEC. Có công 1-10V/DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone.	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-1:2017	Kích thước (mm) 702x314x130						14,500,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn LE-TITAN PRO 205W, 96 leds, 25000lm, IP66, IK09, Tiết giảm công suất 5 cấp, Chống xung điện 10kA, Điều chỉnh được góc nghiêng chứng nhận chất lượng châu Âu ENEC. Có công 1-10V/DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone.	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-1:2017	Kích thước (mm) 842*340*140	Công ty TNHH Chiếu sáng và Môi trường Việt Nam	Việt Nam		Giá bao gồm chi phí lắp đặt, giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng	CÔNG TY TNHH Chiếu sáng và Môi trường Việt Nam.Địa chỉ: 233/8 Đường Thùy Trâm, Phường 13.Q. Bình Thạnh.TP.HCM.Điện thoại: 0823 39 2345. Bảng bảo giá sản phẩm đèn LED Thời gian áp dụng: ngày 01/01/2024 đến khi có thông báo mới.	16,800,000
		Đèn LE-INDI ECO 60W, 7200lm, IP66, IK08, Tiết giảm công suất 5 cấp, Chống xung điện 10kA, Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng châu Âu ENEC,kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone.	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-1:2017	Kích thước (mm) 500x177x86						7,500,000
		Đèn LE-INDI ECO 80W,10000lm, IP66, IK09, Tiết giảm công suất 5 cấp, Chống xung điện 10kA, Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng châu Âu ENEC.Có công 1-10V/DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone.	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-1:2017	Kích thước (mm) 605*240*89						8,200,000
		Đèn LE-INDI MIDI 100W,12000lm, IP66, IK08, Tiết giảm công suất 5 cấp, Chống xung điện 10kA, Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng châu Âu ENEC. Có công 1-10V/ DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone).	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-1:2017	Kích thước (mm) 605*240*89						8,800,000
		Đèn LE-INDI MIDI 120W,15000lm, IP66, IK08, Tiết giảm công suất 5 cấp, Chống xung điện 10kA, Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng châu Âu ENEC. Có công 1-10V/ DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone)	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-1:2017	Kích thước (mm) 715x270x94						9,300,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*	
		Đèn LE-TITAN MIDI 150W, 18750lm, IP66, IK08, Tiết giảm công suất 5 cấp, Chống xung điện 10kA, Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng châu âu ENEC.Có công 1-10V/ DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone).	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-1:2017	Kích thước (mm) 715x270x94		Việt Nam				9,600,000	
		Đèn LE-INDI PRO 180W, 168 leds, 22500lm, IP66, IK08, Tiết giảm công suất 5 cấp, Chống xung điện 10kA, Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng châu âu ENEC.Có công 1-10V/ DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone).	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-2017	Kích thước (mm) 800x318x91				Giá bao gồm chi phí lắp đặt; giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng	CÔNG TY TNHH Chiếu sáng và Môi trường Việt Nam.Địa chỉ: 233/8 Đặng Thùy Trâm, Phường 13.Q. Bình Thạnh.TP.HCM.Điện thoại: 0823 39 2345. Bảng báo giá sản phẩm đèn LED Thời gian áp dụng: ngày 01/01/2024 đến khi có thông báo mới.	11,500,000	
		Đèn LE-INDI PRO 200W, 25000lm, IP66, IK08, Tiết giảm công suất 5 cấp, Chống xung điện 10kA, Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng châu âu ENEC.Có công 1-10V/ DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone)	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-1:2017	Kích thước (mm) 800x318x91	Công ty TNHH Chiếu sáng và Môi trường Việt Nam					12,500,000	
		Đèn LE-INDI PRO 220W, 27500lm, IP66, IK08, Tiết giảm công suất 5 cấp, Chống xung điện 10kA, Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng châu âu ENEC.Có công 1-10V/ DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone).	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-2017	Kích thước (mm) 800x318x91						13,000,000	
		Đèn LE-SOLAR OSIMI MIDI 60W, tấm năng lượng 18V/80W,IP 66, IK09, Pin LiFePO4 12,8V/42AH, 10000lm, cảm biến PIR, thấp sáng 03 ngày mưa, 12 giờ mỗi đêm, điều chỉnh độ sáng thông qua điều khiển, sạc 8 giờ pin).	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-2017	Kích thước (mm) 1352*373*107							24,000,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn LE-SOLAR OSIMI MIDI 80W, tám năng lượng 18V/100W, IP 66, IK09, Pin LiFePO4 12,8V/42AH, 11000lm, cảm biến PIR, thấp sáng 03 ngày mưa, 12 giờ mỗi đêm, điều chỉnh độ sáng thông qua điều khiển, sạc 8 giờ pin).	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-2017	Kích thước (mm) 1482*373*107	Công ty TNHH Chiếu sáng và Môi trường Việt Nam	Việt Nam			CÔNG TY TNHH Chiếu sáng và Môi trường Việt Nam.Địa chỉ: 233/8 Đặng Thùy Trâm, Phường 13. Q. Bình Thạnh. TP.HCM.Điện thoại: 0823 39 2345. Bảng báo giá sản phẩm đèn LED Thời gian áp dụng: ngày 01/01/2024 đến khi có thông báo mới.	29,500,000
	Đèn LE-SOLAR OSIMI MIDI 100W, tám năng lượng 36V/100W, IP 66, IK09, Pin LiFePO4 25,6V/24AH, 13000lm, cảm biến PIR, thấp sáng 03 ngày mưa, 12 giờ mỗi đêm, điều chỉnh độ sáng thông qua điều khiển, sạc 8 giờ pin).	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-2017	Kích thước (mm) 1482*373*107	Giá bao gồm chi phí lắp đặt; giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng						36,200,000
	Đèn LE-SOLAR OSIMI MIDI 120W, tám năng lượng 36V/100W, IP 66, IK08, Pin LiFePO4 25,6V/30AH, 15000lm, cảm biến PIR, thấp sáng 03 ngày mưa, 12 giờ mỗi đêm, điều chỉnh độ sáng thông qua điều khiển, sạc 8 giờ pin).	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-2017	Kích thước (mm) 1482*373*107	37,350,000						
	Đèn LE-SOLAR INDI MIDI 60W, 30leds, 4200lm, IP 66, IK08, Pin Lithium hạng A kết hợp với bộ điều khiển 12V/30Ah,360Wh, tám năng lượng mặt trời 18V/90W, sạc 8 giờ đầy Pin, thấp sáng từ 2-3 ngày mưa, 12 giờ mỗi đêm, hoặc có thể đặt thời gian chiếu sáng thông qua điều khiển từ xa.	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-2017	Kích thước đèn (mm) 690*265*130. Kích thước tấm NLMT (mm) 670*770*30	15,700,000						
	Đèn LE-SOLAR INDI MIDI 80W, 80leds, 1000lm, IP 66, IK08, Pin Lithium hạng A kết hợp với bộ điều khiển 24V/20Ah, 480Wh, tám năng lượng mặt trời 36V/90W, sạc 8 giờ đầy Pin, thấp sáng từ 2-3 ngày mưa, 12 giờ mỗi đêm, hoặc có thể đặt thời gian chiếu sáng thông qua điều khiển từ xa.	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-2017	Kích thước đèn (mm) 645*295*144. Kích thước tấm NLMT (mm) 670*770*35	19,750,000						

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn LE-SOLAR INDI MIDI 100W, 100leds, 11000lm, IP 66, IK08, Pin Lithium hạng A kết hợp với bộ điều khiển 24V/20Ah, 480Wh, tấm năng lượng mặt trời 36V/90W, sạc 8 giờ đầy Pin, thấp sáng từ 2-3 ngày mưa, 12 giờ mỗi đêm, hoặc có thể đặt thời gian chiếu sáng thông qua điều khiển từ xa.	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-2017	Kích thước đèn (mm) 645*295*144. Kích thước tấm NLMT (mm) 670*770*35	Công ty TNHH Chiếu sáng và Môi trường Việt Nam	Việt Nam		Giá bao gồm chi phí lắp đặt; giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng		20,350,000
		Đèn LE-SOLAR INDI MIDI 120W, 120leds, 15600lm, IP 66, IK08, Pin Lithium hạng A kết hợp với bộ điều khiển 24V/20Ah, 480Wh, tấm năng lượng mặt trời 36V/90W, sạc 8 giờ đầy Pin, thấp sáng từ 2-3 ngày mưa, 12 giờ mỗi đêm, hoặc có thể đặt thời gian chiếu sáng thông qua điều khiển từ xa.	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-2017	Kích thước đèn (mm) 645*295*144. Kích thước tấm NLMT (mm) 670*770*35						22,350,000
3		Sản phẩm của Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam (CADIVI)									
		Dây đồng đơn cứng bọc PVC-300/500V:									
		VC - 0,5 (Ø 0,80) - 300/500 V	đ/m	TCVN 6610-3		Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam	Việt Nam		Không có thông tin	Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam (CADIVI), địa chỉ 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh, điện thoại 028.38299443, Kèm công văn số 17/CV-KDĐT ngày 02/01/2024 về Thông báo giá bán sản phẩm Quý I năm 2024 .Thông tin liên hệ: A Hải Khôi Kinh doanh Tiếp Thị 0913.854.809. Bảng giá áp dụng trên toàn quốc	2,450
		VC - 1,00 (Ø1,13) - 300/500 V	đ/m								4,070
		Dây điện bọc nhựa PVC-0,6/1Kv (ruột đồng):									
		VCmd-2x0.5-(2x16/0.2)-0,6/1kV	đ/m	TC AS/NZS 5000.1							4,660
		VCmd-2x0.75-(2x24/0.2)-0,6/1kV	đ/m								6,570
		VCmd-2x1-(2x32/0.2)-0,6/1kV	đ/m								8,430
		VCmd-2x1,5-(2x30/0.25)-0,6/1kV	đ/m								12,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*				
		VCmd-2x1,5-(2x50/0.25)-0,6/1kV	d/m								19,460				
		Dây điện mềm bọc nhựa PVC-300/500V (ruột đồng):													
		VCmo-2x1-(2x32/0.2)-300/500V	d/m	TCVN 6610-5		Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam	Việt Nam		Không có thông tin	Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam (CADIVI), địa chỉ 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh, điện thoại 028.38299443, Kèm công văn số 17/CV-KDĐT ngày 02/01/2024 về Thông báo giá bán sản phẩm Quý I năm 2024. Thông tin liên hệ: A Hải Khôi Kinh doanh Tiếp Thị 0913.854.809. Bảng giá áp dụng trên toàn quốc	9,680				
		VCmo-2x1.5-(2x30/0.25)-300/500V	d/m		13,640										
		Vemo-2x6-(2x7x12/0.30-300/500V	d/m		49,610										
		Ống luồn dây điện:													
		Ống luồn tròn F16 dài 2,9m	d/ống	BSEN 61386-21;BS4607;TCVN 7417-21											20,420
		Ống luồn cứng F16-1250N-CA16H	d/ống							23,700					

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Ông luôn đàn hồi CAF-16	đ/cuộn			Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam	Việt Nam				190,880
		Ông luôn đàn hồi CAF-20	đ/cuộn								265,100
4		Sản phẩm của Chi nhánh CÔNG TY Cổ Phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông									
		Đèn LED năng lượng mặt trời- Chiếu pha-Chiếu sáng đường									
		Đèn LED chiếu pha NLMT 200W (Model: CP03.SL.RAD 200W.V2) tấm sola Poly Crystalline rời công suất 20W, Quang thông đèn 1600Lm, pin lưu trữ Lithium LiFeP04 18 Ah, cấp bảo vệ IP66, IK08, có cảm biến chuyển động, LED Hàn Quốc.	bộ	QCVN 19:2019/BKHCN		Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Không có thông tin	Chi nhánh CÔNG TY Cổ Phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông.Địa chỉ: 12A Vân Đồn,phường Phước Hòa.Tp Nha Trang.Tỉnh Khánh Hòa.Điện thoại:02 583 87 44 88. Người liên hệ: 090 7613 421.Công văn số 01/24/BGLS-LĐ ngày 02/01/2024 về Báo giá VLXD trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Mức giá thực hiện từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024.Gia bán áp dụng trên toàn quốc.	1,860,000
	Đèn LED chiếu pha NLMT 300W (Model: CP03.SL.RAD 300W.V2) tấm sola Poly Crystalline rời công suất 35W, Quang thông đèn 2400Lm, pin lưu trữ Lithium LiFeP04 30 Ah, cấp bảo vệ IP66, IK08, có cảm biến chuyển động, LED Hàn Quốc.	bộ	2,550,000								
	Đèn LED chiếu pha NLMT 50W CLC (Model: CP02.SL.RF 50W) tấm sola Poly Crystalline rời công suất 40W, Quang thông đèn 1700Lm, pin lưu trữ Lithium LiFeP04 20 Ah, cấp bảo vệ IP65, LED Samsung.	bộ	2,560,000								
	Đèn LED chiếu pha NLMT 70W CLC (Model: CP02.SL.RF 70W) tấm sola Poly Crystalline rời công suất 50W, Quang thông đèn 2000Lm, pin lưu trữ Lithium LiFeP04 30 Ah, cấp bảo vệ IP65, LED Samsung.	bộ	3,700,000								
	Đèn LED chiếu pha NLMT 90W CLC (Model: CP02.SL.RF 90W) tấm sola Poly Crystalline rời công suất 55W, Quang thông đèn 1700Lm, pin lưu trữ Lithium LiFeP04 35 Ah, cấp bảo vệ IP65, LED Samsung.	bộ	4,600,000								

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn LED chiếu pha NLMT 150W CLC (Model: CP02.SL.RF 150W) tấm sola Poly Crystalline rời công suất 65W, Quang thông đèn 3000Lm, pin lưu trữ Lithium LiFeP04 65 Ah, cấp bảo vệ IP65, LED Samsung.	bộ			Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông			Không có thông tin		7,000,000
		Đèn năng lượng mặt trời chiếu sáng đường									
		Đèn LED chiếu sáng đường NLMT 30W (Model: CSD01.SL.RF 30W V2) tấm sola Poly Crystalline rời công suất 65W, Quang thông đèn 3200Lm, pin lưu trữ Lithium LiFeP04 50 Ah, cấp bảo vệ IP65, LED Samsung.	bộ	QCVN 19:2019/BKHCN		Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông		Không có thông tin			4,750,000
		Đèn LED chiếu sáng đường NLMT 50W (Model: CSD01.SL.RF 50W V2) tấm sola Poly Crystalline rời công suất 95W, Quang thông đèn 4600Lm, pin lưu trữ Lithium LiFeP04 65 Ah, cấp bảo vệ IP65, LED Samsung.	bộ						6,600,000		
		Đèn LED chiếu sáng đường NLMT 70W (Model: CSD02.SL 70W) tấm sola Mono Crystalline rời 18V/100W, Quang thông đèn 8000Lm, pin lưu trữ Lithium LiFeP04 12.8V/43 Ah, cấp bảo vệ IP65, LED Samsung.	bộ						18,740,000		
		Đèn LED chiếu sáng đường NLMT 100W (Model: CSD02.SL 100W) tấm sola Mono Crystalline rời 18V/130W, Quang thông đèn 10.500Lm, pin lưu trữ Lithium LiFeP04 12.8V/54 Ah, cấp bảo vệ IP65, LED Samsung.	bộ						23,020,000		
		Đèn LED chiếu sáng đường NLMT 120W (Model: CSD02.SL 120W) tấm sola Mono Crystalline rời 18V/170W, Quang thông đèn 12.000Lm, pin lưu trữ Lithium LiFeP04 12.8V/54 Ah, cấp bảo vệ IP65, LED Samsung.	bộ						26,170,000		

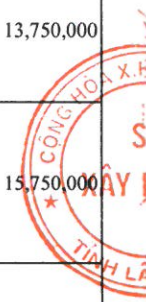
STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn LED chiếu sáng đường (LED SMT-LumiLED-Philips; Tuổi thọ 50.000h, Bảo hành 5 năm,5 cấp Dimming, IK08,IP66)		QCVN 19:2019/BKHCN		Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Không có thông tin		
		Đèn LED c/sáng đường 100W (Model: CSD05 100W.LĐ 3M) Ánh sáng 4000/5000K	bộ								7,058,700
		Đèn LED c/sáng đường 120W (Model: CSD05 120W.LĐ) Ánh sáng 4000/5000K	bộ								7,399,000
		Đèn LED c/sáng đường 120W (Model: CSD05 150W.LĐ) Ánh sáng 4000/5000K	bộ								7,744,000
		Đèn LED chiếu sáng đường (LED SMT-LumiLED-Philips; Tuổi thọ 50.000h, Bảo hành 5 năm,5 cấp Dimming, IK08,IP66, có đầu kết nối thông minh)									
		Đèn LED chiếu sáng đường 80W (Model: CSD08 80W.NEMA) Ánh sáng 4000/5000K	bộ								6,000,000
		Đèn LED chiếu sáng đường 100W (Model: CSD08 100W.NEMA) Ánh sáng 4000/5000K	bộ								7,000,000
		Đèn LED chiếu sáng đường 120W (Model: CSD08 120W.NEMA) Ánh sáng 4000/5000K	bộ								7,200,000
		Đèn LED chiếu sáng đường 150W (Model: CSD08 150W.NEMA) Ánh sáng 4000/5000K	bộ								7,500,000
		Đèn LED chiếu sáng đường 200W (Model: CSD08 200W.NEMA) Ánh sáng 4000/5000K	bộ								9,000,000
		Đèn LED HIGHT BAY (Nhà xưởng-Nhà thi đấu)									
		Đèn LED HIGH BAY 50W(Model: HB02L 350/50W) ánh sáng 3000/5000/6500K	bộ								1,342,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*			
		Đèn LED HIGH BAY 70W(Model: HB02L 350/70W) ánh sáng 3000/5000/6500K	bộ	QCVN 19:2019/BKHCN		Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông			không có thông tin		1,406,000			
		Đèn LED HIGH BAY 100W(Model: HB02L 430/100W) ánh sáng 3000/5000/6500K	bộ										2,252,000	
		Đèn LED chiếu sáng đường 150W (Model: CSD08 150W.NEMA) Ánh sáng 4000/5000K	bộ										2,582,000	
		Đèn LED chiếu sáng đường 200W (Model: CSD08 200W.NEMA) Ánh sáng 4000/5000K	bộ										2,746,000	
		Đèn LED HIGH BAY 200W(Model: HB02L 500/200W) ánh sáng 3000/5000/6500K	bộ										3,328,000	
		LED HIGHT BAY UFO (NHÀ XƯỞNG-KHO LẠNH...)												
		Đèn LED HIGHBAY 100W (Model: HB03 290/100W) ánh sáng 3000/5000/6500K	bộ											1,712,000
		Đèn LED HIGHBAY 120W (Model: HB03 350/120W) ánh sáng 3000/5000/6500K	bộ											2,562,000
		Đèn LED HIGHBAY 150W (Model: HB03 350/150W) ánh sáng 3000/5000/6500K	bộ											2,604,000
		Đèn LED HIGHBAY 200W (Model: HB03 390/200W) ánh sáng 3000/5000/6500K	bộ											3,310,000
		ĐÈN LED Chiếu pha góc chiếu 60/90 độ (IP66,IK08) (Chiếu sáng mặt ngoài, cây cảnh, sân bóng đá mini, sân Tennis..)												

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*		
		Đèn LED chiếu pha 100W (Model:CP07 100W). Ánh sáng 4000/5000K	bộ	QCVN 19:2019/BKHCN		Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông			không có thông tin		3,600,000		
		Đèn LED chiếu pha 150W (Model:CP07 150W). Ánh sáng 4000/5000K	bộ								4,600,000		
		Đèn LED chiếu pha 200W (Model: CP07 200W) ánh sáng 4000/5000K	bộ								6,000,000		
		Đèn LED chiếu pha 250W (Model: CP07 250W) ánh sáng 4000/5000K	bộ								8,000,000		
5		Sản phẩm của Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam											
		Đèn LED chiếu sáng đường phố											
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 30W đến 39W(Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen \geq 130 Lm/W.	Bộ	TCVN 7722 -1 :2017 /IEC 60598-1:2014 và TCVN 7722 – 2 – 3: 2019/ IEC 60598-2-3:2011		Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Đơn giá giao tại các địa bàn thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá chưa bao gồm VAT 10%	Đơn giá trên giao tại các địa bàn thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá trên chưa bao gồm VAT 10%. Bảo hành: đèn và các thiết bị (đầu cuối, tủ điều khiển) bảo hành 5 năm, phần mềm bảo hành trọn đời được nhà sản xuất miễn phí khi cập nhật nâng cấp. Bảo giá số 14/CV-SLI ngày 01/3/2024.	6,500,000			
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 40W đến 49W(Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 -10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen \geq 130 Lm/W.	Bộ										6,875,000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 50W đến 59W(Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen \geq 130 Lm/W.	Bộ										7,500,000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 60W đến 69W(Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V(chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen \geq 130 Lm/W.	Bộ										8,250,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 70W đến 79W(Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V(chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ	TCVN 7722 -1 :2017 /IEC 60598-1:2014 và TCVN 7722 – 2 – 3: 2019/ IEC 60598-2-3:2011		Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam		Đơn giá giao tại các địa bàn thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá chưa bao gồm VAT 10%	Đơn giá trên giao tại các địa bàn thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá trên chưa bao gồm VAT 10%. Bảo hành: đèn và các thiết bị (đầu cuối, tu điều khiển) bảo hành 5 năm, phần mềm bảo hành trọn đời được nhà sản xuất miễn phí khi cập nhật nâng cấp. Báo giá số 14/CV-SLI ngày 01/3/2024.	9,000,000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 80W đến 89W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V(chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ		10,750,000						
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 90W đến 99W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W	Bộ		11,125,000						
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 100W đến 109W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 -10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ		11,625,000						
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 110W đến 119W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V(chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ		12,000,000						
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 120W đến 129W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V(chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ		12,325,000						
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 130W đến 139W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V(chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ		12,500,000						

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn LED TEMBIN Modun SMD Slighting SL7 140W đến 149W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V(chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ	TCVN 7722 -1 :2017 /IEC 60598-1:2014 và TCVN 7722 – 2 – 3: 2019/ IEC 60598-2-3:2011		Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam		Đơn giá giao tại các địa bàn thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá chưa bao gồm VAT 10%	<p>Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam Địa chỉ trụ sở: Số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội. Điện thoại: 0243.6436537, 04.3719.1896.</p> <p>Đơn giá trên giao tại các địa bàn thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá trên chưa bao gồm VAT 10%. Bảo hành: đèn và các thiết bị (đầu cuối, tu điều khiển) bảo hành 5 năm, phần mềm bảo hành trọn đời được nhà sản xuất miễn phí khi cập nhật nâng cấp. Bảo giá số 14/CV-SLI ngày 01/3/2024.</p>	13,250,000
		Đèn LED TEMBIN Modun SMD Slighting SL7 150W đến 159W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 -10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ		13,500,000						
		Đèn LED TEMBIN Modun SMD Slighting SL7 160W đến 169W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V(chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ		13,750,000						
		Đèn LED TEMBIN Modun SMD Slighting SL7 170W đến 179W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ		15,750,000						
		Đèn LED TEMBIN Modun SMD Slighting SL7 180W đến 189W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V(chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ		16,500,000						
		Đèn LED TEMBIN Modun SMD Slighting SL7 190W đến 200W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V(chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ		17,250,000						
		Đèn LED TEMBIN Modun SMD Slighting SL7 250W. Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 -10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ		18,500,000						



STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 280W. Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V(chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ	TCVN 7722 -1 :2017 /IEC 60598-1:2014 và TCVN 7722 – 2 – 3: 2019/ IEC 60598-2-3:2011		Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Đơn giá giao tại các địa bàn thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá chưa bao gồm VAT 10%			20,500,000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 300W(Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ								23,360,000
		Đèn LED SL22 (30w - 45w) Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Chống sét 10kA	Bộ								7,000,000
		Đèn LED SL22 (50w - 80w) Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Chống sét 10kA	Bộ								9,000,000
		Đèn LED SL22 (85w - 100w)Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Chống sét 10kA	Bộ								11,400,000
		Đèn LED SL22 (105w - 130w) Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Chống sét 10kA	Bộ								12,200,000
		Đèn LED SL22 (135w - 150w)Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Chống sét 10kA	Bộ								13,100,000
		Đèn LED SL22 (155w - 180w)Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Chống sét 10kA	Bộ								13,800,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn LED SL22 (185w - 200w) Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Chống sét 10kA	Bộ	TCVN 7722 -1 :2017 /IEC 60598-1:2014 và TCVN 7722 – 2 – 3: 2019/ IEC 60598-2-3:2011		Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam		Đơn giá giao tại các địa bàn thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá chưa bao gồm VAT 10%	<p>Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam Địa chỉ trụ sở: Số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội. Điện thoại: 0243.6436537, 04.3719.1896.</p> <p>Đơn giá trên giao tại các địa bàn thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá trên chưa bao gồm VAT 10%. Bảo hành: đèn và các thiết bị (đầu cuối, tủ điều khiển) bảo hành 5 năm, phần mềm bảo hành trọn đời được nhà sản xuất miễn phí khi cập nhật nâng cấp. Bảo giá số 14/CV-SLI ngày 01/3/2024.</p>	16,200,000
		Đèn pha LED SLI-FL9 (50w-90w)	Bộ		8,220,000						
		Đèn pha LED SLI-FL9 (95w-135w)	Bộ		9,298,000						
		Đèn pha LED SLI-FL9 (140w-180w)	Bộ		10,586,300						
		Đèn pha LED SLI-FL9 (185-230w)	Bộ		15,250,000						
		Đèn pha LED SLI-FL9 (235w- 280w)	Bộ		17,950,000						
		Đèn pha LED SLI-FL9 (285w-360w)	Bộ		18,972,500						
		Đèn pha LED SLI-FL9 (365w-400w)	Bộ		27,150,000						
		Đèn pha LED SLI-FL9 (405w-450w)	Bộ		30,500,000						
		Đèn pha LED SLI-FL9 (455w-520w)	Bộ		33,500,000						
		Thiết bị đầu cuối thông tin di động truyền/nhận tín hiệu điều khiển SL1412: Nối trực tiếp với bộ nguồn Led (Driver) và gắn trên từng bộ đèn đường LED và đèn pha LED	Bộ	ISO 9001:2015 QCVN 12:2015/BTTTT QCVN 15:2015/BTTTT QCVN 117:2018/BTTTT						2.800.000	

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*			
		Tủ điều khiển chiếu sáng thông minh có gắn kết bộ kết nối trung tâm thu phát tín hiệu điều khiển (Gateway) sử dụng 01 Sim điện thoại 4G và 01 anten đi kèm. Bộ kết nối trung tâm (Gateway) được kết nối trực tiếp với mạng internet để chuyển tín hiệu điều khiển về máy chủ, phần mềm và trung tâm điều khiển và quản lý chiếu sáng công cộng thông minh	Tủ	ISO 9001:2015 QCVN 73:2013/BTTTT		Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam				90,000,000			
		Trụ bát giác, tròn côn liền cần đơn vươn 1,5m, mạ kẽm nhúng nóng												
		Trụ bát giác, tròn côn liền cần đơn, H=6m tôn dày 3mm	Cột											5,220,000
		Trụ bát giác, tròn côn liền cần đơn, H=7m tôn dày 3mm	Cột											5,920,000
		Trụ bát giác, tròn côn liền cần đơn, H=8m tôn dày 3mm	Cột											6,310,000
		Trụ bát giác, tròn côn liền cần đơn, H=9m tôn dày 3,5mm	Cột											8,600,000
		Trụ bát giác, tròn côn liền cần đơn, H=10m tôn dày 4mm	Cột											9,400,000
		Trụ bát giác, tròn côn liền cần đơn, H=11m tôn dày 4mm	Cột											11,700,000
		Trụ bát giác, tròn côn cần rời D78 mạ kẽm nhúng nóng												
		Trụ bát giác, tròn côn 6m D78-3mm	Cột											5,800,000

Công ty Cổ phần
Slighting Việt Nam
Địa chỉ trụ sở: Số 168,
đường K2, phường Cầu
Điễn, quận Nam Từ Liêm,
Hà Nội. Điện thoại:
0243.6436537,
04.3719.1896.
Đơn giá trên giao tại các
địa bàn thuộc tỉnh Lâm
Đông, giá trên chưa bao
gồm VAT 10%. Bảo
hành: đèn và các thiết bị
(đầu cuối, tủ điều khiển)
bảo hành 5 năm, phần
mềm bảo hành trọn đời
được nhà sản xuất miễn
phí khi cập nhật nâng cấp.
Bảo giá số 14/CV-SLI
ngày 01/3/2024.

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Trụ bát giác, tròn cột 7m D78-3mm	Cột	TCVN ISO 9001: 2015/ISO9001:2015		Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam		Đơn giá giao tại các địa bàn thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá chưa bao gồm VAT 10%	Đơn giá trên giao tại các địa bàn thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá trên chưa bao gồm VAT 10%. Bảo hành: đèn và các thiết bị (đầu cuối, tủ điều khiển) bảo hành 5 năm, phần mềm bảo hành trọn đời được nhà sản xuất miễn phí khi cập nhật nâng cấp. Bảo giá số 14/CV-SLI ngày 01/3/2024.	6,250,000
		Trụ bát giác, tròn cột 8m D78-3mm	Cột		6,810,000						
		Trụ bát giác, tròn cột 9m D78- 4mm	Cột		8,820,000						
		Trụ bát giác, tròn cột 10m D78-4mm	Cột		9,830,000						
		Trụ bát giác, tròn cột 11m D78-4mm	Cột		12,830,000						
		Cần đèn CD-01 cao 2m, vươn 1,5m dây 3mm	Cần		1,890,000						
		Cần đèn CD-02; CD06; CD-10; CD-21; CD-27; CD-32 cao 2m, vươn 1,5m	Cần		1,785,000						
		Cần đèn cánh bướm CD15	Cần		4,050,000						
		Cần đèn CK-01 cao 2m, vươn 1,5m	Cần		2,390,000						
		Cần đèn CK-02; CK06; CK-10; CK-21; CK-27; CK-32 cao 2m, vươn 1,5m	Cần		2,150,000						
		Cần cánh bướm CK15	Cần		4,520,000						
		Cọc tiếp địa									
		Cọc tiếp địa V63x63x6x2500	Cái	1,020,000							

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*	
		Phụ kiện cột thép										
		KM cột M16x340x340x500	Bộ	TCVN ISO 9001:2015/ISO9001:2015		Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam		Đơn giá giao tại các địa bàn thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá chưa bao gồm VAT 10%		670,000	
		KM cột M16x260x260x500	Bộ								650,000	
		KM cột M16x240x240x500	Bộ								630,000	
		KM cột M24x300x300x675	Bộ								930,000	
		KM cột M24x300x300x750	Bộ								970,000	
6		Sản phẩm của Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Thái										
		I. Cáp đồng đơn bọc cách điện PVC - CV (0,6/1kV)										
		Dây điện VCmd 2x0.5mm2 0.6/1kV	mét	TCVN 5935		Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam		Đơn giá bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình, nơi trung tâm các huyện trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đối với các đơn hàng tối thiểu 20.000.000 VND	Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Thái. Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1 - Đường số 1 - Phường An Bình Thành phố Biên Hòa - Tỉnh Đồng Nai. Điện thoại: 0251.3836204. Kèm theo công văn số 01/2024/CV-VT ngày 02/01/2024 của Công ty Cổ phần Dây Cáp điện Việt Thái đến khi có thông báo mới.	4,100	
		Dây điện VCmd 2x0.75mm2 0.6/1kV	mét									5,780
		Dây điện VCmd 2x1mm2 0.6/1kV	mét									7,420
		Dây điện VCmd 2x1.5mm2 0.6/1kV	mét									10,560
		Dây điện VCcmd 2x2.5mm2 0.6/1kV	mét									17,130
		Dây điện VCmo 2x0.75mm2 300/500V	mét									6,800
		Dây điện VCmo 2x1mm2 300/500V	mét									8,510
		Dây điện VCmo 2x1.5mm2 300/500V	mét									12,000
		Dây điện VCmo 2x2.5mm2 300/500V	mét									19,320
		Dây điện VCmo 2x4mm2 300/500V	mét									29,210
		Dây điện VCmo 2x6mm2 300/500V	mét									43,660
		Dây điện VCmt 2x0.75mm2 300/500V	mét									7,620
		Dây điện VCmt 2x1mm2 300/500V	mét									9,410

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Dây điện VCmt 2x1.5mm2 300/500V	mét	TCVN 5935		Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam		Đơn giá bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình, nơi trung tâm các huyện trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đối với các đơn hàng tối thiểu 20.000.000 VND	Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Thái. Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1 - Đường số 1 - Phường An Bình Thành phố Biên Hòa - Tỉnh Đồng Nai. Điện thoại: 0251.3836204. Kèm theo công văn số 01/2024/CV-VT ngày 02/01/2024 của Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Thái đến khi có thông báo mới.	13,240
		Dây điện VCmt 2x2.5mm2 300/500V	mét		21,090						
		Dây điện VCmt 2x4mm2 300/500V	mét		31,480						
		Dây điện VCmt 2x6mm2 300/500V	mét		46,630						
		Dây điện VCmt 3x0.75mm2 300/500V	mét		10,300						
		Dây điện VCmt 3x1mm2 300/500V	mét		12,790						
		Dây điện VCmt 3x1.5mm2 300/500V	mét		18,610						
		Dây điện VCmt 3x2.5mm2 300/500V	mét		29,400						
		Dây điện VCmt 3x4mm2 300/500V	mét		44,060						
		Dây điện VCmt 3x6mm2 300/500V	mét		66,830						
		Dây điện VCmt 4x0.75mm2 300/500V	mét		13,210						
		Dây điện VCmt 4x1mm2 300/500V	mét		16,720						
		Dây điện VCmt 4x1.5mm2 300/500V	mét		24,160						
		Dây điện VCmt 4x2.5mm2 300/500V	mét		38,020						
		Dây điện VCmt 4x4mm2 300/500V	mét		57,620						
		Dây điện VCmt 4x6mm2 300/500V	mét		86,920						
		Cáp CV 1.5mm2 0.6/1kV AS/NZS	mét		5,490						
		Cáp CV 2.5mm2 0.6/1kV AS/NZS	mét		8,960						
		Cáp CV 4mm2 0.6/1kV AS/NZS	mét		13,560						
		Cáp CV 6mm2 0.6/1kV AS/NZS	mét		19,900						
		Cáp CV 10mm2 0.6/1kV AS/NZS	mét		32,930						
		Cáp CV 16mm2 0.6/1kV AS/NZS	mét		52,030						
		Cáp CV 25mm2 0.6/1kV AS/NZS	mét		81,590						
		Cáp CV 35mm2 0.6/1kV AS/NZS	mét		112,840						
		Cáp CV 50mm2 0.6/1kV AS/NZS	mét	154,390							
		Cáp CV 70mm2 0.6/1kV AS/NZS	mét	220,290							
		Cáp CV 95mm2 0.6/1kV AS/NZS	mét	304,650							
7		Sản phẩm của Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc									
		ĐÈN ĐIỆN CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG PHỐ									

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn Led đường phố PI-120W, DIM	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN TCVN 7722-1-2017 và TCVN 7722-2-3-2019							5,213,000
		Đèn Led đường phố PI-150W, DIM	Cái								
		KHUNG MÓNG CỘT									
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 4 Bulông M16	Cái	TCCS 01:2018/CSMB	KT: (240x240x500)mm	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình tại các xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (trên phương tiện bên bán)	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc. Địa chỉ công ty: Số 30 Khu C, khu đầu giá QSDĐ, tổ dân phố Phú Mỹ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Địa chỉ nhà máy 1: KCN Quang Minh - Thị trấn Chi Đông - H. Mê Linh - TP. Hà Nội. Công văn báo giá số 240305LD/CV-MB ngày 05/3/2024 của Công ty thực hiện kể như báo giá tháng 02/2024 cho đến khi có bảng niêm yết giá mới	546,000
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 4 Bulông M16	Cái		KT: (240x240x750)mm						666,000
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 4 Bulông M16	Cái		KT: (240x240x1000)mm						786,000
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 4 Bulông M16	Cái		KT: (260x260x500)mm						591,500
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 4 Bulông M16	Cái		KT: (340x340x500)mm						624,000
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 4 Bulông M24	Cái		KT: (300x300x675)mm						610,000
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 4 Bulông M24	Cái		KT: (300x300x1000)mm						710,000
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 4 Bulông M24	Cái		KT: (300x300x1250)mm						850,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 4 Bulông M24	Cái	TCCS 01:2018/CSMB	KT: (300x300x1500)mm	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình tại các xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (trên phương tiện ben bán)	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc. Địa chỉ công ty: Số 30 Khu C, khu đầu giá QSDĐ, tổ dân phố Phú Mỹ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Địa chỉ nhà máy 1: KCN Quang Minh - Thị trấn Chi Đông - H. Mê Linh - TP. Hà Nội. Công văn báo giá số 240305LĐ/CV-MB ngày 05/3/2024 của Công ty thực hiện kể như báo giá tháng 02/2024 cho đến khi có bảng niêm yết giá mới	990,000	
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 8 Bulông M24	Cái		KT: Ø400mm, cao 1200mm (Lắp cho cột cao 13-16m)					3,612,700	
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 8 Bulông M24,	Cái		KT: Ø450mm, cao 1350mm (Lắp cho cột cao 17-18m không nâng hạ)					4,513,600	
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 18 Bulông M30,	Cái		KT: Ø800mm, cao 1750mm (2 tầng đĩa định vị, lắp cho cột nâng hạ 17-25m)					17,945,200	
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 20 Bulông M30, 01:2018/CSMB)	Cái		KT: Ø900mm, cao 1750mm (2 tầng đĩa định vị, lắp cho cột nâng hạ 30-35m)					23,387,000	
		CỘT ĐÈN SÂN, VƯỜN TRANG TRÍ									
		Đế DP03 gang cho cột thép	Cái	TCCS 01:2018/CSMB							8,562,400
		Cột DP01 đế gang cho cột sân vườn ống nhôm D108, cao 2,3m	Cái								5,805,800
		Đế gang DC06 cho cột sân vườn ống nhôm D108, cao 2,3m + Chùm CH07 (4+1) tay	Cái								5,467,000
		Cột DC01 đế gang cho cột thép	Cái								10,778,600
		Đế cột BANIAN gang cho cột sân vườn ống nhôm D108, cao 2,3m + Chùm CH11 (4+1) tay	Cái								5,460,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đế cột NOUVO đế gang cho cột sân vườn ống nhôm D108, cao 2,3m + Chùm đèn CH12	Cái	TCCS 01:2018/CSMB							5,532,800
		CẢN ĐÈN LẮP VÀO THÂN CỘT THÉP - D78									
		Cản đơn MB01-D, MB02-D, MB05-D, MB06-D, MB07-D, MB08-D, MB09-D	Cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình tại các xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (trên phương tiện bên bán)	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc. Địa chỉ công ty: Số 30 Khu C, khu đầu giá QSDĐ, tổ dân phố Phú Mỹ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Địa chỉ nhà máy 1: KCN Quang Minh - Thị trấn Chi Đông - H. Mê Linh - TP. Hà Nội. Công văn báo giá số 240305LD/CV-MB ngày 05/3/2024 của Công ty thực hiện kể như báo giá tháng 02/2024 cho đến khi có bảng niêm yết giá mới	1,619,800	
		Cản kép MB01-K, MB02-K, MB05-K, MB06-K, MB07-K, MB08-K, MB09-K	Cái		2,233,000						
		Cản đơn MB03-D, MB04-D, MB10-D, MB11-D, MB12-D	Cái		1,345,400						
		Cản kép MB03-K, MB04-K, MB10-K, MB11-K, MB12-K	Cái		1,876,000						
		CỘT THÉP CHIẾU SÁNG - LIÊN CẢN ĐƠN									
		Cột bát giác, tròn côn, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn liên cản cao 6m bích 300x300	Cái	TCCS 01:2018/CSMB					2,310,000		
		Cột bát giác, tròn côn, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn liên cản cao 7m, bích 300x300	Cái		2,730,000						
		Cột bát giác, tròn côn, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn liên cản cao 8m, bích 300x300	Cái		3,500,000						
		Cột bát giác, tròn côn, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn liên cản cao 9m, bích 300x300	Cái		4,055,800						
		Cột bát giác, tròn côn, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn liên cản cao 10m, bích 400x400	Cái		4,566,800						
		Cột bát giác, tròn côn, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn liên cản cao 11m, bích 400x400	Cái	4,659,200							
		THÂN CỘT THÉP CHIẾU SÁNG - D78									

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Cột bát giác, tròn côn - D78, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 4m, bích 300x300	Cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình tại các xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (trên phương tiện bên bán)	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc. Địa chỉ công ty: Số 30 Khu C, khu đầu giá QSDĐ, tổ dân phố Phú Mỹ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Địa chỉ nhà máy 1: KCN Quang Minh - Thị trấn Chi Đông - H. Mê Linh - TP. Hà Nội. Công văn báo giá số 240305LĐ/CV-MB ngày 05/3/2024 của Công ty thực hiện kể như báo giá tháng 02/2024 cho đến khi có bảng niêm yết giá mới	2,170,000
		Cột bát giác, tròn côn - D78, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 5m, bích 300x300	Cái		2,380,000						
		Cột bát giác, tròn côn - D78, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 6m, bích 400x400	Cái		3,175,200						
		Cột bát giác, tròn côn - D78, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 7m, bích 400x400	Cái		4,264,400						
		Cột bát giác, tròn côn - D78, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 8m, bích 400x400	Cái		4,960,200						
		Cột bát giác, tròn côn - D78, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 9m, bích 400x400	Cái		6,427,400						
		Cột bát giác, tròn côn - D78, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 10m, bích 400x400	Cái		6,514,200						
		CỘT GIÀN ĐÈN NẮNG HẠ (Mạ kẽm nhúng nóng theo tiêu chuẩn ASTM A123, thép SS400, nâng hạ tự động giàn đèn, kim thu sét thụ động D16)									
		Cột đèn thép SS400, thân dày 5-6mm, lọng dây 4mm mạ kẽm, nâng hạ 17m (có bộ điện nâng hạ, lọng bắt 8-12 đèn)	Cái	TCCS 01:2018/CSMB							136,360,000
		Cột đèn thép SS400, thân dày 5-6mm, lọng dây 4mm mạ kẽm, nâng hạ 20m (có bộ điện nâng hạ, lọng bắt 8-12 đèn)	Cái		153,160,000						
		Cột đèn thép SS400, thân dày 5-6mm, lọng dây 4mm mạ kẽm, nâng hạ 25m (có bộ điện nâng hạ, lọng bắt 8-12 đèn)	Cái		167,160,000						
		Cột đèn thép SS400, thân dày 5-6mm, lọng dây 4mm mạ kẽm, nâng hạ 30m (có bộ điện nâng hạ, lọng bắt 8-12 đèn)	Cái		187,600,000						

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Cột đèn thép SS400, thân dây 5-6mm, lồng dây 4mm mạ kẽm, nâng hạ 35m (có bộ điện nâng hạ, lồng bát 8-12 đèn)	Cái	TCCS 01:2018/CSMB							221,200,000
		CỘT ĐÈN PHA SÂN GOLF									
		Cột đa giác, tròn côn thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn cao 14m, bát 2-8 đèn pha	Cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình tại các xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (trên phương tiện ben bán)	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc. Địa chỉ công ty: Số 30 Khu C, khu đấu giá QSDĐ, tổ dân phố Phú Mỹ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Địa chỉ nhà máy 1: KCN Quang Minh - Thị trấn Chi Đông - H. Mê Linh - TP. Hà Nội. Công văn báo giá số 240305LD/CV-MB ngày 05/3/2024 của Công ty thực hiện kể như báo giá tháng 02/2024 cho đến khi có bảng niêm yết giá mới	23,100,000	
		Cột đa giác, tròn côn thép SS400 dày 4/5mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn cao 15m, bát 2-8 đèn pha	Cái		25,928,000						
		Cột đa giác, tròn côn thép SS400 dày 4/5mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn cao 16m, bát 2-8 đèn pha	Cái		32,942,000						
		Cột đa giác, tròn côn thép SS400 dày 5/6mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn cao 17m, bát 2-8 đèn pha	Cái		34,329,400						
		Nắp hố ga, song chắn rác bằng vật liệu Composite, Gang									
		Song chắn rác Composite, Gang 860x430 + Khung 960x530 tải trọng 12.5 tấn	Cái	BS EN 124-5:2015	4,000,000						
		Song chắn rác Composite, Gang 860x430 + Khung 960x530 tải trọng 25 tấn	Cái		6,500,000						
		Song chắn rác Composite, Gang 860x430 tải trọng 25 tấn	Cái		4,100,000						
		Song chắn rác Composite, Gang 860x430 tải trọng 40 tấn	Cái		4,900,000						
		Song chắn rác Composite, Gang 960x530 tải trọng 12.5 tấn	Cái		3,360,000						
		Nắp hố ga Composite, Gang 850x850 tải trọng 12.5 tấn	Cái		4,200,000						
		Nắp hố ga Composite, Gang 850x850 tải trọng 25 tấn	Cái		6,460,000						
		Nắp hố ga Composite, Gang 850x850 tải trọng 40 tấn	Cái		7,960,000						
		Nắp hố ga Composite, Gang 900x900 tải trọng 12.5 tấn	Cái		5,400,000						

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Nắp hồ ga Composite, Gang 900x900 tải trọng 25 tấn	Cái	BS EN 124-5:2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình tại các xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (trên phương tiện ben bản)		7,500,000
		Nắp hồ ga Composite, Gang 900x900 tải trọng 40 tấn	Cái								8,500,000
8		Sản phẩm của Công ty TNHH Thiết bị Điện Duy Linh									
		Quạt thông gió GEB15B2	Cái	QCVN 4:2009/BKHCN VÀ SỬA ĐỔI 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN		Công ty TNHH Thiết bị Điện Duy Linh	Việt Nam		Đơn giá tại công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	Công ty TNHH Thiết bị Điện Duy Linh. Địa chỉ: Số 4/182 ngõ 34 Phố Vĩnh Tuy- Quận Hai Bà Trưng- Hà Nội. Điện thoại: 0916 991 083. Kèm theo công văn số 0612/CV-DL ngày 06/12/2023 của Công ty Thiết bị Điện Duy Linh đến khi có thông báo mới.	400,000
		Tủ điện nhựa mặt phẳng SPL2/4	Cái		168,000						
		Aptomat 1 cực 10A	Cái		84,000						
		Mặt 1 lỗ Luxyry trắng - GK801	Cái		61,000						
		Ó đơn 3 châu 16A (màu trắng) KTZB/1-98	Cái		35,000						
VI	VẬT LIỆU CỬA										
1		Sản phẩm của Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy nhôm Việt Pháp									
		Cửa, vách kính khung nhôm Hệ Việt Pháp - Nhôm thương hiệu FRANDOOR - FRANALUMI do Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp sản xuất, phụ kiện đồng bộ của Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp, kính an toàn hai lớp dày 6.38mm, 8.38mm.		Thanh nhôm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Nhôm Việt Pháp	Việt Nam				

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		-Vách kính, cửa đi, cửa sổ hệ Việt Pháp 4400									
		Vách kính hệ Việt Pháp 4400, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, độ dày khung bao 1.3mm	M2	Thanh nhôm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Nhóm Việt Pháp	Việt Nam	Đơn giá tại công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình)	Công ty CP Nhóm Việt Pháp - Nhà máy nhôm Việt Pháp. Địa chỉ ĐKKD: Số 1-N3, Tập thể Đại học Sư phạm 1, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, VN. Địa chỉ nhà máy 1: Lô A2-CN7, đường CN8, Cụm Công nghiệp vừa và nhỏ Từ Liêm, TP. Hà Nội, VN. Địa chỉ nhà máy 2: Lô A, KCN Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ, VN. Kèm theo CV số 03/2024/CV-NVP ngày 04/01/2024 của công ty về việc Thông báo giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại Công bố giá VLXD Liên Sở Xây dựng - Tài chính tỉnh Lâm Đồng tháng 1/2024	1,600,000	
		Cửa đi 1 cánh hệ Việt Pháp 4400, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, độ dày khung bao và khung cánh 1.3÷1.4 mm.	M2		1,900,000						
		Cửa sổ mở quay, mở hất hệ Việt Pháp 4400, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, độ dày khung bao và khung cánh 1.3÷1.4 mm.	M2		1,800,000						
		Bộ phụ kiện cửa đi mở quay 1 cánh hệ Việt Pháp 4400 đồng bộ thương hiệu Frandoor - Franalumi (gồm: Khóa, Bàn lề, Tay gạt)	Bộ		460,000						
		Bộ phụ kiện cửa sổ mở quay, mở hất 1 cánh hệ Việt Pháp 4400 đồng bộ thương hiệu Frandoor - Franalumi (gồm: Khóa, Bàn lề, Tay cài)	Bộ		360,000						
		Bộ phụ kiện cửa sổ mở quay, mở hất 2 cánh hệ Việt Pháp 4400 đồng bộ thương hiệu Frandoor - Franalumi (gồm: Khóa, Bàn lề, Tay cài)	Bộ		700,000						
		- Cửa đi hệ Việt Pháp 450									
		Cửa đi hệ 450 Việt Pháp, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, độ dày thanh nhôm khung cánh 1.3÷1.8mm.	M2	Thanh nhôm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Nhóm Việt Pháp	Việt Nam	Đơn giá tại công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình)	2,060,000		
		Bộ phụ kiện cửa mở đi quay 1 cánh hệ Việt Pháp 450 đồng bộ thương hiệu Frandoor - Franalumi 1 cánh (gồm: Khóa, Bàn lề, Tay gạt)	Bộ		920,000						
		Bộ phụ kiện cửa mở đi quay đồng bộ thương hiệu Frandoor - Franalumi 2 cánh (gồm: Khóa, Bàn lề, Tay gạt)	Bộ		1,150,000						
		-Cửa sổ, cửa đi hệ Việt Pháp 2600									
		Cửa đi lùa hệ Việt Pháp 2600, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, độ dày khung bao và khung cánh 1.3÷1.4 mm.	M2						1,850,000		

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Cửa sổ lùa hệ Việt Pháp 2600, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, độ dày thanh nhôm khung cánh 1.3÷1.4 mm.	M2	Thanh nhôm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Nhôm Việt Pháp	Việt Nam	Đơn giá tại công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy nhôm Việt Pháp. Địa chỉ ĐKKD: Số 1-N3, Tập thể Đại học Sư phạm 1, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, VN. Địa chỉ nhà máy 1: Lô A2-CN7, đường CN8, Cụm Công nghiệp vừa và nhỏ Từ Liêm, TP. Hà Nội, VN. Địa chỉ nhà máy 2: Lô A, KCN Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ, VN. Kèm theo CV số 03/2024/CV-NVP ngày 04/ 01/2024 của công ty về việc Thông báo giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại Công bố giá VLXD Liên Sở Xây dựng - Tài chính tỉnh Lâm Đồng tháng 1/2024.	1,850,000	
		Bộ phụ kiện cửa đi, cửa sổ mở lùa 2 cánh đồng bộ thương hiệu Frandoor - Franalumi 2 cánh (gồm: Bánh xe, chốt khóa, vấu)	Bộ							250,000	
		Bộ phụ kiện cửa đi, cửa sổ mở lùa 4 cánh đồng bộ thương hiệu Frandoor - Franalumi (gồm: Bánh xe, chốt khóa, vấu)	Bộ							400,000	
		-Vách kính mặt dựng hệ Việt Pháp 1100									
		Hệ mặt dựng 1100 Việt Pháp, kính an toàn 2 lớp 8,38 mm trắng trong, khung nhôm 2mm.	M2							2,350,000	
		Cửa, vách kính khung nhôm Hệ Xingfa - Nhôm thương hiệu FRANDOOR - FRANALUMI do Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp sản xuất. Phụ kiện đồng bộ tính riêng theo từng loại cửa tương ứng.									
		-Vách kính cố định, cửa sổ, cửa đi hệ Xingfa 55									
		Vách kính cố định hệ 55 Xingfa, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.4 mm.	M2							1,660,000	
		Cửa đi hệ Xingfa 55, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, khung bao và khung cánh dày 2.0mm	M2							2,300,000	
		Bộ phụ kiện cửa đi mở quay 1 cánh (gồm: 3 bản lề, tay nắm và khóa đa điểm).	Bộ							1,300,000	
		Bộ phụ kiện cửa đi mở quay 2 cánh (gồm: 6 bản lề, tay nắm và khóa đa điểm).	Bộ	2,100,000							

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Bộ phụ kiện cửa đi mở quay 4 cánh (gồm: 12 bản lề, tay nắm, chốt cửa và khóa đa điểm).	Bộ	Thanh nhôm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Nhóm Việt Pháp	Việt Nam		Đơn giá tại công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình)	Công ty CP Nhóm Việt Pháp - Nhà máy nhôm Việt Pháp. Địa chỉ ĐKKD: Số 1-N3, Tập thể Đại học Sư phạm 1, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, VN. Địa chỉ nhà máy 1: Lô A2-CN7, đường CN8, Cụm Công nghiệp vừa và nhỏ Từ Liêm, TP. Hà Nội, VN. Địa chỉ nhà máy 2: Lô A, KCN Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ, VN. Kèm theo CV số 03/2024/CV-NVP ngày 04/01/2024 của công ty về việc Thông báo giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại Công bố giá VLXD Liên Sở Xây dựng - Tài chính tỉnh Lâm Đồng tháng 1/2024	5,000,000
		Cửa sổ mở quay, mở hất, mở trượt hệ Xingfa 55, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, khung bao và khung cánh dày 1.4mm	M2		1,950,000						
		Bộ phụ kiện cửa sổ mở hất, mở quay 1 cánh (gồm: bản lề chữ A, khóa tay nắm đơn điểm, thanh cài).	Bộ		390,000						
		Bộ phụ kiện cửa sổ mở hất, mở quay 2 cánh (gồm: bản lề chữ A, khóa tay nắm đa điểm, thanh cài)	Bộ		730,000						
		Bộ phụ kiện cửa sổ mở hất, mở quay 4 cánh (gồm: bản lề chữ A, khóa tay nắm đa điểm, thanh cài)	Bộ		1,350,000						
		-Vách kính cố định, cửa sổ, cửa đi hệ Xingfa 93									
		Vách kính cố định hệ 93 Xingfa, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, nhôm dày 2mm.	M2		2,000,000						
		Cửa sổ lùa Xingfa 93, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, nhôm dày 2mm.	M2		2,000,000						
		Bộ phụ kiện cửa sổ mở trượt 2 cánh (gồm: bánh xe, chốt sập, khóa đa điểm, tay nắm)	Bộ		1,900,000						
		Bộ phụ kiện cửa sổ mở trượt 4 cánh (gồm: bánh xe, chốt sập, khóa đa điểm, tay nắm)	Bộ		1,900,000						
		Cửa đi lùa hệ Xingfa 93, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, nhôm dày 2mm.	M2		2,000,000						
		Bộ phụ kiện cửa đi mở trượt lùa 2 cánh (gồm: bánh xe, chốt sập, khóa đa điểm, tay nắm).	Bộ		1,900,000						

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*			
		Bộ phụ kiện cửa đi mở trượt lùa 4 cánh (gồm: bánh xe, chốt sập, khóa đa điểm, tay nắm).	Bộ	Thanh nhôm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Nhôm Việt Pháp	Việt Nam	Đơn giá tại công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy nhôm Việt Pháp. Địa chỉ ĐKKD: Số 1-N3, Tập thể Đại học Sư phạm 1, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, VN. Địa chỉ nhà máy 1: Lô A2-CN7, đường CN8, Cụm Công nghiệp vừa và nhỏ Từ Liêm, TP. Hà Nội, VN. Địa chỉ nhà máy 2: Lô A, KCN Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ, VN. Kèm theo CV số 03/2024/CV-NVP ngày 04/01/2024 của công ty về việc Thông báo để đăng ký niêm yết giá tại Công bố giá VLXD Liên Sở Xây dựng - Tài chính tỉnh Lâm Đồng tháng 1/2024	1,900,000				
		-Vách kính mặt dựng thông tầng hệ Xingfa 65 (Bao gồm cả phụ kiện cửa sổ nếu có).												
		Hệ mặt dựng Xingfa 65, kính an toàn 2 lớp 8,38 mm trắng trong. Độ dày thanh nhôm chịu lực: 2.5mm	M2											2,800,000
		Cửa, vách kính khung nhôm Hệ 55 vát cạnh - Nhôm thương hiệu FRANDOOR - FRANALUMI do Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp sản xuất, phụ kiện đồng, kính an toàn hai lớp dày 6.38mm, 8.38mm												
		Cửa đi hệ 55 vát cạnh, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, khung bao và khung cánh dày 1.0 mm)	M2											1,950,000
		Cửa sổ mở hất, mở quay hệ 55 vát cạnh, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, khung bao và khung cánh dày 1.0mm	M2											1,900,000
		Cửa sổ, cửa đi mở lùa hệ 55 vát cạnh, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, khung bao và khung cánh dày 1.0mm	M2											1,850,000
		Vách kính cố định hệ 55 vát cạnh, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong (kích thước vách 2000 x1600mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.0 mm)	M2											1,680,000
		Bộ phụ kiện cửa sổ mở hất, mở quay 1 cánh (gồm: tay nắm cửa, bản lề, thanh đa điểm)	Bộ											390,000
		Bộ phụ kiện cửa sổ mở hất, mở quay 2 cánh (gồm: tay nắm cửa, bản lề, thanh đa điểm)	Bộ											730,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Bộ phụ kiện cửa đi mở quay 1 cánh (gồm Tay nắm cửa, bản lề, thanh đa điểm)	Bộ	Thanh nhôm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Nhôm Việt Pháp	Việt Nam			Đơn giá tại công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình)	800,000
		Bộ phụ kiện cửa đi mở quay 2 cánh (gồm Tay nắm cửa, bản lề, thanh đa điểm)	Bộ		1,300,000						
		Bộ phụ kiện cửa sổ, cửa đi mở lùa 2 cánh (gồm: Bánh xe, chốt sập, đệm chống nhấc)	Bộ		400,000						
		Bộ phụ kiện cửa sổ, cửa đi mở lùa 4 cánh (gồm: Bánh xe, chốt sập, đệm chống nhấc)	Bộ		700,000						
		Cửa thủy lực khung nhôm - Thương hiệu FRANDOOR - FRANALUMI do Công ty cổ phần nhôm Việt Pháp - Nhà máy nhôm Việt Pháp sản xuất, Độ dày thanh nhôm dày từ 1.6 ÷ 2.2mm, phụ kiện đồng bộ, kính an toàn hai lớp dày 6.38mm, 8.38mm.									
		V26: Cửa nhôm thủy lực 1 cánh Việt Pháp, (bản nhôm 120mm) kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong (kích thước cửa 1100 x2600 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.6÷2.2 mm).	M2		2,900,000						
		Bộ phụ kiện cửa 1 cánh (gồm: Bản lề sàn, khóa sàn, khóa, tay nắm cửa).	Bộ		4,500,000						
		Bộ phụ kiện cửa 2 cánh (gồm: Bản lề sàn, khóa sàn, khóa, tay nắm cửa)	Bộ		8,000,000						

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Cửa kính khung nhôm Hệ trượt quay - Nhôm thương hiệu FRANDOOR - FRANALUMI do Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp sản xuất, phụ kiện đồng bộ, kính an toàn hai lớp dày 6.38mm, 8.38mm									
		V27: Cửa trượt quay 2 cánh Việt Pháp, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.6+2.5 mm.	M2								2,200,000
		Bộ phụ kiện cửa mở quay 2 cánh (gồm: Bánh xe, ray dẫn hướng, tay kéo, chốt)	Bộ								2,900,000
		Bộ phụ kiện cửa mở quay 4 cánh (gồm: Bánh xe, ray dẫn hướng, tay kéo, chốt)	Bộ								4,500,000
		Cửa cuốn nan nhôm thương hiệu FRANDOOR - FRANALUMI do Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp sản xuất, phụ kiện đồng bộ của Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp (Đơn giá chưa bao gồm Motor, Lưu điện)		Thanh nhôm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Nhôm Việt Pháp	Việt Nam		Đơn giá tại công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình)		
		Cửa cuốn: F48	M2								2,130,000
		Cửa cuốn: F48E	M2								1,980,000
		Cửa cuốn: F45I	M2								2,300,000
		Cửa cuốn: F46	M2								2,485,000
		Cửa cuốn: F46I	M2								2,880,000
		Cửa cuốn: F49-2	M2								2,670,000
		Cửa cuốn: F49-3	M2								2,940,000



STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Mô tơ và lưu điện dùng cho cửa cuốn thương hiệu FRANDOOR - FRANALUMI của Công ty Cổ phần nhôm Việt Pháp - Nhà máy nhôm Việt Pháp.		Thanh nhôm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Nhôm Việt Pháp	Việt Nam		Đơn giá tại công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình)		
		Mô tơ (tải trọng 300 kg)	M2		4,885,000						
		Mô tơ (tải trọng 500 kg)	M2		5,545,000						
		Mô tơ (tải trọng 700 kg)	M2		8,515,000						
		Mô tơ (tải trọng 1000 kg)	M2		9,285,000						
		Bộ lưu điện (900W)	M2		3,675,000						
		Bộ lưu điện (1500W)	M2		4,775,000						
2		Sản phẩm của Công ty TNHH Nhôm Nam Sung									
		HỆ NS-55: Cửa đi mở/lùa 1 cánh & 2 cánh (kèm chia đồ giữa / ô cố định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 2.0 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	đồng/m2	QCVN 16:2019 TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung	Việt Nam		Giá áp dụng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	Công ty TNHH Nhôm NamSung. Địa điểm trụ sở chính và Nhà máy sản xuất: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn (GD 3+4), ấp Bình Tiên 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Theo Công văn số 1222/2023/NS-CBG ngày 22/12/2023 về việc đề nghị báo giá sản phẩm được công bố trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.	2,815,000
		HỆ NS-55: Cửa đi mở/lùa 1 cánh & 2 cánh (kèm chia đồ giữa / ô cố định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.4 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	đồng/m2		2,570,000						
		HỆ NS-55: Cửa đi mở/lùa 1 cánh & 2 cánh (kèm chia đồ giữa / ô cố định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.2 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	đồng/m2		2,230,000						
		HỆ NS-55: Cửa sổ mở 1 cánh & 2 cánh (kèm ô cố định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm. Độ dày nhôm 2.0 mm, kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	đồng/m2		2,815,000						

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		HỆ NS-55: Cửa sổ mở/lùa 1 cánh & 2 cánh (kèm ô cố định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.4 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	đồng/m2	QCVN 16:2019 TCVN 9366-2:2015		Công ty TNHH Nhóm Nam Sung	Việt Nam		Giá áp dụng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	Công ty TNHH Nhóm NamSung. Địa điểm trụ sở chính và Nhà máy sản xuất: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn (GD 3+4), ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Theo Công văn số 1222/2023/NS-CBG ngày 22/12/2023 về việc đề nghị báo giá sản phẩm được công bỏ trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.	2,570,000
		HỆ NS-55: Cửa sổ mở/lùa 1 cánh & 2 cánh (kèm ô cố định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.2 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	đồng/m2		2,150,000						
		HỆ NS-55: Cửa sổ mở hắt, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 2.0 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	đồng/m2		2,700,000						
		HỆ NS-55: Cửa sổ mở hắt, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.4 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	đồng/m2		2,470,000						
		HỆ NS-55: Cửa sổ mở hắt, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.2 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	đồng/m2		2,180,000						
		HỆ NS-55: Vách kính / khung cố định, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 2.0 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	đồng/m2		1,900,000						
		HỆ NS-55: Vách kính / khung cố định, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.4 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	đồng/m2		1,800,000						
		HỆ NS-55: Vách kính / khung cố định, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.2 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	đồng/m2		1,800,000						

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		SONG BẢO VỆ, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.5 mm	đồng/m2	QCVN 16:2019 TCVN 9366-2:2015		Công ty TNHH Nhóm Nam Sung	Việt Nam		Giá áp dụng trên địa bản tỉnh Lâm Đồng	Công ty TNHH Nhóm NamSung. Địa điểm trụ sở chính và Nhà máy sản xuất: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn (GD 3+4), ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Theo Công văn số 1222/2023/NS-CBG ngày 22/12/2023 về việc đề nghị báo giá sản phẩm được công bỏ trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.	1,500,000
		HỆ NS-93: Cửa đi/sô lùa 4 cánh - khung bao 2 Ray, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 2.0 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	đồng/m2								2,750,000
		HỆ NS-93: Cửa đi/sô lùa 4 cánh - khung bao 2 Ray, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.4 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	đồng/m2								2,300,000
		HỆ NS-93: Cửa đi/sô lùa 6 cánh - khung bao 3 Ray, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 2.0 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	đồng/m2								2,900,000
		HỆ NS-XL60: Cửa xếp lùa 4 cánh, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	đồng/m2								3,000,000
		HỆ MẶT DỪNG NS-65: kết cấu khung 65x120, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 2.5 mm, phụ kiện vít dày đủ, kính đơn Công Nghiệp Hạ Long – CFG 10 mm	đồng/m2								3,350,000